

Số: 58/2019/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xây dựng giá đất;

Căn cứ Quyết định số 56/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ văn bản số 421/HĐND-TT ngày 31/12/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh v/v thỏa thuận tờ trình số 313/TTr-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 990/TTr-STC ngày 31/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Hệ số điều chỉnh quy định tại Quyết định này áp dụng đối với các trường hợp:

a) Quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 của Luật đất đai, xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng;

b) Xác định giá đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo;

c) Xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thuộc trường hợp được quy định tại Khoản 1 Điều này;

2. Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực đất đai, các cơ quan có chức năng xây dựng, điều chỉnh, xác định giá đất cụ thể.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH BẢNG GIÁ ĐẤT NĂM 2020

Điều 3. Các trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất $K = 1$

1. Đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại các khu công nghiệp, khu công nghiệp - thương mại, cụm tiểu thủ công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị, tại nông thôn khu vực 1, tại nông thôn khu vực 2 trên tất cả các tuyến đường, phố, ngõ thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai trừ các trường hợp quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quyết định này.

2. Đất lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất rừng sản xuất thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 4. Các trường hợp áp dụng hệ số $K = 1,1$ và $K = 1,2$ đối với đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại phường Sa Pa, thị xã Sa Pa

1. Các tuyến đường, phố áp dụng hệ số $K = 1,1$

a) Chợ Văn hóa - Bến xe: Tuyến N1 (Từ đường Điện Biên Phủ đến đường N4);

b) Đường Thạch Sơn: Từ hết số nhà 014 (Khách sạn Sapa Paradise) đến phố Thủ Dầu Một;

c) Phố Phạm Xuân Huân: Từ phố Hàm Rồng đến đường bậc Hàm Rồng;

d) Đường Fan Si Păng: Từ phố Cầu Mây đến giáp nhà nghỉ Cát Cát.

2. Các tuyến đường, phố áp dụng hệ số $K = 1,2$

a) Đường Xuân Viên: Từ phố Xuân Hồ đến hết số nhà 59;

b) Đường Thạch Sơn: Từ đường Fan Si Păng (ngã 5 trường tiểu học thị trấn) đến hết số nhà 014 (Khách sạn SaPa Paradise) và hết số nhà 01 (Nhà nghỉ Linh Trang);

c) Đường Ngũ Chỉ Sơn: Từ đường Xuân viên đến phố Kim Đồng;

d) Phố Hàm Rồng: Từ đường Thạch Sơn đến đường bậc Hàm Rồng;

đ) Đường Fan Si Păng: Từ ngã 5 đến phố Cầu Mây;

e) Đường Mường Hoa: Từ hết đất Khách sạn SaPa Lodge đến hết số nhà 049.

Điều 5. Các trường hợp áp dụng hệ số $K = 1,3$ đối với đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại thị xã Sa Pa và huyện Bảo Yên

1. Các tuyến đường, phố tại phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, gồm:

b) Phố Xuân Viên: Từ phố Hoàng Diệu đến giáp số nhà 59 đường Xuân Viên;

c) Phố Cầu Mây: Từ đường FansiPan đến hết phố Cầu Mây;

d) Đường Mường Hoa: Từ phố Cầu Mây đến hết đất Khách sạn Sapa Lodge;

2. Các tuyến đường tại xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên, gồm:

a) Đường T1: Từ Quốc lộ 279 đến giao với đường T2;

b) Đường T2: Từ ngã ba giao T1, T2 đến đường T3.

Điều 6. Các trường hợp áp dụng hệ số K =1,4 đối với đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên

1. Đường vào Đền: Từ ngã ba cầu qua Sông Hồng đến di tích Đền Bảo Hà.

2. Đường T2: Từ cổng Đền Bảo Hà đến ngã ba giao T1, T2.

Chương III

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục thuế tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, ĐDBQH, UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 8;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lào Cai, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, QLĐT4, TH1, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong